**BÀI 4 – VĂN BẢN 1:**

**MÙA XUÂN NHO NHỎ**

**(Thanh Hải)**

**A. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC**

**I. NĂNG LỰC**

**1. Năng lực chung**

Năng lực tự chủ, tự học; năng lực tư duy năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác ...

**2. Năng lực đặc thù**

*Năng lực ngôn ngữ; năng lực văn học.*

- HS **nhận biết** và nhận xét **được** một số nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

- HS **hiểu được** tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

**II. PHẨM CHẤT**

- Có tình cảm yêu mến, tự hào về quê hương đất nước

- Có mong ước được cống hiến cho quê hương, đất nước

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu,...

+ Học liệu: Tranh ảnh và phim.

+ Phiếu học tập.

**2. Học sinh**

- Đọc phần Tri thức ngữ văn, đọc kĩ văn bản, chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK, phiếu bài tập.

**C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết, trí tưởng tượng phong phú của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống với nội dung văn bản.

**Tổ chức thực hiện:**

GV cho HS xem đoạn clip về hình ảnh mùa xuân ở những vùng đất khác nhau của đất nước

GV hỏi: Em ấn tượng với bức tranh mùa xuân ở đâu nhất? Qua những bức tranh, em cảm nhận gì về mùa xuân đất nước

HS trả lời

🡪 Dẫn vào bài học: Mùa xuân trên đất nước Việt Nam đâu đâu cũng đẹp, cũng tràn đầy sức sống. Những mùa xuân ấy thật đáng yêu mến, tự hào. Chúng ta sẽ cùng đến với một mùa xuân nho nhở ở xứ Huế mộng mơ

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại thơ trữ tình qua một văn bản cụ thể.

**2. Nội dung:** HS khai thác các vấn đề về nội dung và hình thức của văn bản

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, sản phẩm của hoạt động nhóm

**4. Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| --- | --- |
| -GV hỏi: em thấy hoàn cảnh ra đời của bài thơ có gì đặc biệt?  -HS trả lời  **-**GV Hướng dẫn HS đọc theo chiến lược đọc, theo các thẻ chỉ dẫn  - GV thu âm phần đọc trên nền nhạc  **-GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của thể loại qua việc tìm hiểu các yếu tố: hình ảnh, cảm xúc, nhịp điệu**  - **GV có thể khắc sâu đặc điểm của thể loại, yêu cầu HS đọc phần kiến thức về thơ ở Tri thức Ngữ văn**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu về cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước**  **Giao nhiệm vụ:**  GV sử dụng phiếu bài tập số 1,2 đã được giao từ trước, yêu cầu HS làm việc cá nhân, trình bày phiếu trước lớp  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoàn thành sản phẩm cá nhân, phát biểu, chữa câu trả lời vào phiếu học tập.  **Báo cáo, thảo luận:**  HS trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập số , nhận xét, bổ sung.  **Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét, đánh giá; chốt lại kiến thức.  **Hướng dẫn HS tìm hiểu ước nguyện của nhà thơ, cách thể hiện ước nguyện**  **Giao nhiệm vụ:**  - HS hoạt động nhóm  + lí giải vì sao ở các khổ trên, tác giả xưng “tôi”, ở khổ này lại xưng “ta”  + các hình ảnh “con chim”, “cành hoa” có khác gì ở khổ 1? Các hình ảnh ấy kết hợp với hình ảnh “nốt trầm” có ý nghĩa gì?  + ý nghĩa của hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ”  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời được câu hỏi  **Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện 1 nhóm trình bày. HS theo dõi trên sản phẩm của nhóm, theo dõi phần chữa của GV và tự chữa vào phiếu học tập cá nhân.  **Đánh giá, kết luận:**  🡪 **GV liên hệ với hoàn cảnh sáng tác để thấy được ước nguyện đẹp đẽ của nhà thơ**  **-**GV hỏi: âm điệu của câu Nam ai, Nam bình và nhịp phách tiền kết thúc bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì? Nhận xét về nhịp điệu những câu thơ.  -HS trả lời độc lập  -GV nhận xét, chốt ý  **GV cho HS nghe bài hát Mùa xuân nho nhỏ (nhạc sĩ Trần Hoàn phổ thơ)**  **Những câu thơ đầy chất nhạc (trong thơ có nhạc)**  **\* Tổng kết**  Tổ chức trò chơi dạng Hái hoa trên cây, các câu hỏi xoay quanh nội dung, nghệ thuật | **I. TIẾP XÚC VĂN BẢN**  **1. Trước đọc**  **\* Tác giả:** Thanh Hải  \* Hoàn cảnh sáng tác đặc biệt; khi tác giả đang nằm trên giường bệnh vì một căn bệnh hiểm nghèo, không lâu sau đó ông qua đời  **2. Đọc**  *-* ***Thể loại: thơ năm chữ***  **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời**  - Hình ảnh:  + ***Mọc*** giữa dòng sông xanh  + Một bông hoa tím biếc  + Con chim chiền chiện…  - NT:  + đảo ngữ  + ẩn dụ: Giọt long lanh-> âm thanh tiếng chim chiền chiện ngưng đọng lại long lanh trong ánh sáng mùa xuân  -Nhịp thơ: 3/2; ¼, 2/3  => Bức tranh xuân tươi đẹp có sự hài hòa về màu sắc, rộn rã âm thanh, -khỏe khoắn căng tràn sức sống  -> Tâm trạng say sưa ngây ngất, nâng niu trân trọng vẻ đẹp của mùa xuân .  **2. Cảm xúc trước mùa xuân của đất nước, Cách mạng**  - Hình ảnh:  + Người cầm súng  +Người ra đồng  + Lộc  -Nghệ thuật  + Hình ảnh đa nghĩa - ẩn dụ*:vừa thực lại vừa có ý nghĩa tượng trưng cho hai nhiệm vụ quan trọng của đất nước: chiến đấu bảo vệ và lao động xây dựng đất nước*  +Điệp ngữ: *Tất cả như*  -Từ láy *hối hả, xôn xao*; nhịp thơ rộn rã-> Khí thể tưng bừng, nhộn nhịp của đất nước vào xuân.  +Nhân hóa: *Đất nước ...vất vả, gian lao*  + So sánh: *Đất nước như vì sao*  -Nhịp thơ: 2/3  => Hình ảnh đất nước hiện lên thật gần gũi, bình dị, trường tồn... đồng thời thể hiện niềm tự hào về đất nước, niềm tin vào tương lai của đất nước.  🡪 Tình cảm yêu mến, tự hào về đất nước; niềm tin tưởng.  **3. Ước nguyện của nhà thơ**  ­  -Xưng “ta”: ước nguyện trang trọng, thiêng liêng; cái “tôi” hòa vào cái “ta”  - Ước nguyện: các hình ảnh  + *con chim* hót  + một *cành hoa*  + một *nốt trầm xao xuyến*  + hình ảnh « một mùa xuân nho nhỏ »  + tuổi hai mươi, khi tóc bạc  => Ước nguyện chân thành, muốn được cống hiến phần nhỏ bé nhưng có ích cho cuộc đời, muốn được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước.   * *=>* Ước nguyên cống hiến, hòa nhập của nhà thơ: Muốn được cống hiến phần nhỏ bé, tốt đẹp, hữu ích cho cuộc đời cho đất nước. Nguyện ước của nhà thơ thật đáng trân trọng bởi diễn ra bền bỉ, cống hiến trọn đời * -> Điều tâm niệm thật chân thành, tha thiết, bình dị rất đáng trân trọng, ngợi ca.   **Biểu hiện cao đẹp của tình yêu đất nước là cống hiến công sức để xây dựng đất nước, làm nên những mùa xuân cho đất nước**  **4. Lời ngợi ca quê hương, đất nước**  Âm hưởng của khúc dân ca xứ Huế: Làn điệu Nam ai, Nam bình ngọt ngào sâu lắng  Điệp khúc như lời hát.  => Lòng tự hào, gắn bó với truyền thống văn hóa của quê hương, đất nước  Tình yêu quê hương hòa nhịp với tình yêu đất nước  **\* Tổng kết**  - Nội dung  - Nghệ thuật |

**HOẠT ĐỘNG 3. VẬN DỤNG**

**1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

**2. Nội dung:** GV lựa chọn nhiều hình thức khác nhau, giao nhiệm vụ trước cho HS: vẽ tranh; trình bày mơ ước

**3. Sản phẩm:** Tranh,

**4. Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| --- | --- |
| **Giao nhiệm vụ:**  - Phần viết kết nối đọc: giao về nhà.  - Hoạt động trưng bày, thuyết trình:  GV giao nhiệm vụ cho HS trước khi học văn bản khoảng 1 đến 2 tuần  Vẽ bức tranh mùa xuân theo cảm nhận của em  Từ ước nguyện của nhà thơ, bày tỏ mơ ước của em  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Báo cáo**  - HS vẽ tranh gắn lên Padlet, thuyết trình về ý tưởng  - HS khác thuyết trình về ước mơ  - HS lắng nghe, quan sát, nhận xét, suy nghĩ về ước mơ của bạn (ý nghĩa của ước mơ)  **Đánh giá, kết luận:**  -GV nhận xét về ý thức làm việc của các nhóm, khuyến khích, động viên học sinh. Đặc biệt thể hiện sự trân trọng với ***những ước mơ gắn với lợi ích của cộng đồng*** | + Gắn bức tranh mùa xuân theo cảm nhận của em lên Padlet  + bày tỏ mơ ước |

**HOẠT ĐỘNG 4. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP**

**1. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học.

**2. Nội dung:** HS hoàn thiện phần viết kết nối với đọc, tìm đọc thêm một số truyện Khoa học viễn tưởng.

**3. Sản phẩm:** Đoạn văn viết kết nối đọc, phần ghi chép vào nhật kí đọc sách cuốn sách.

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **Giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu)* cảm nhận về một đoạn thơ em yêu thích trong bài Mùa xuân nho nhỏ  GV gợi ý HS dựa vào dàn ý để viết, sau đó đính lên Padlet  GV chọn bài viết tốt để tuyên dương, các HS đánh giá lẫn nhau qua bình chọn trên Padlet  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh viết đoạn văn.  - Tìm đọc những bài thơ khác về mùa xuân, nhất là những bài thơ thể 5 chữ | Đoạn văn  Ghi vào Nhật kí đọc: giá trị nội dung, nghệ thuật của một số bài thơ viết về mùa xuân, một số bài viết theo thể 5 chữ |

**PHỤ LỤC PHIẾU BÀI TẬP**

**Họ và tên học sinh: Lớp:**

**PHIẾU BÀI TẬP**

**Văn bản: Mùa xuân nho nhỏ**

**Điền vào ô trống:**

**Phiếu 1**: Khổ thơ 1: Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Bức tranh mùa xuân | Hình ảnh |  |
| Các yếu tố NT |  |
| Nhịp thơ |  |
| Nhận xét về bức tranh thiên nhiên | |  |
| Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên | |  |

**Phiếu 2**: Khổ thơ 2: Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Bức tranh mùa xuân đất nước | Hình ảnh |  |
| Các yếu tố NT |  |
| Nhịp thơ |  |
| Nhận xét về bức tranh mùa xuân đất nước | |  |
| Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước | |  |

**BÀI 4 – VĂN BẢN 2:**

**GÒ ME**

(Hoàng Tố Nguyên)

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức**

- HS cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước, nỗi nhớ da diết của nhà thơ khi phải xa quê hương yêu dấu của mình, thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi hình, gợi cảm và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ,... trong bài thơ.

- Thông qua việc phân tích dòng hồi tưởng của tác giả, phân tích sự xáo trộn các bình diện thời gian - di chuyển điểm nhìn từ hiện tại về quá khứ rồi từ quá khứ trở về hiện tại, HS cảm nhận được hình ảnh Gò Me hiện lên với vẻ đẹp nên thơ, sóng động.

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân

- Năng lực chuyên biệt:

+ Đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại: thể loại, hình ảnh thơ đặc sắc, giá trị nội dung và nghệ thuật

+ Đọc mở rộng văn bản trữ tình hiện đại

+ Viết: Trình bày những suy nghĩ cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một văn bản thơ.

**3.Về phẩm chất**:

-Yêu thiên nhiên, đất nước, tự ý thức góp một phần công sức nhỏ bé của bản thân bằng những việc làm thiết thực để cống hiến cho quê hương, đất nước.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Chuẩn bị của giáo viên**

- Kế hoạch bài học

* Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước (nếu có)…

1. **Chuẩn bị của học sinh**

- Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG TRƯỚC ĐỌC (3 phút)**  **1. Mục tiêu:**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.  - Kích thích HS tìm hiểu về vùng đất Nam Bộ, cảm xúc của người nghệ sĩ về vùng đất Nam Bộ.  HĐ cá nhân, HĐ cả lớp.  **2. Phương thức thực hiện:**  *- Hoạt động cá nhân, cả lớp*  *- PP nêu vấn đề*  **3. Sản phẩm hoạt động**  *- HS trả lời miệng*  **4. Phương án kiểm tra, đánh giá**  *- Học sinh đánh giá.*  *- Giáo viên đánh giá.*  **5. Tiến trình hoạt động:**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  **-** Em biết những bài thơ nào viết về miền đất Nam Bộ? Hãy đọc cho cả lớp nghe một đoạn thơ mà em yêu thích.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh tìm hiểu, trả lời:*  *- Giáo viên: Quan sát hướng dẫn…*  *- Dự kiến sản phẩm:* Các bài thơ viết về Nam Bộ: Cửu Long Giang ta ơi (Nguyên Hồng), Gửi Nam Bộ Mến Yêu (Xuân Diệu).  ***\*Báo cáo kết quả: Bài thơ “Cửu Long giang ta ơi” (Nguyên Hồng)***  ***\*Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá: Nam Bộ là vùng đất mang vẻ đẹp của sự hoang sơ, huyền bí của thiên nhiên, mộc mạc chân chất của con người. Vẻ đẹp ấy đã đi vào văn thơ, nhạc họa của viết bao nhà văn, nhà thơ. Ta vẫn còn nhớ da diết đâu đâu bản hò về vùng quê sông nước trong truyện “Đất rừng phương Nam” của Đoàn Giỏi; hoặc những thơ giàu âm vang trong bài “Cưu Long giang ta ơi” của Nguyên Hồng.*  *Ta đi... bản đồ không còn nhìn nữa... Sáng trời thu lại còn bướm với trời xanh Trúc đào tươi chim khuyên rỉa cánh sương đọng long lanh Ta cởi áo lội dòng sông ta hát Mê Kông chảy Mê Kông cũng hát Rừng núi lùi xa Đất phẳng thở chan hoà. Sóng toả chân trời buồm trắng. Nam Bộ Nam Bộ Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi váng Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa Bến nước Mê Kông tôm cá ngập thuyền Sầu riêng thơm dậy đất Thủ Biên Suối mát dội trong lòng dừa trĩu quả.*  Cửu Long Giang ta ơi (Nguyên Hồng)  Vùng đất đẹp là thế, con đã có dịp trải nghiệm kì thú trên mảnh đất này, hãy chia sẻ những hiểu biết của con về vùng đất và con người nơi đây.  HS trình bày kèm hình ảnh, âm thanh  Nam Bộ mang nhiều vẻ đẹp của văn hóa, thiên nhiên và con người:  - Nam Bộ là vùng đất cuối cùng phía Nam của đất nước. Nam bộ nằm rất gần biển Đông, là một vùng châu thổ màu mỡ với nhiều cửa sông đổ ra biển. Chính điều này đã tạo nên một Nam bộ trù phú, giàu có về văn hóa và nông sản. Nam bộ đã tạo nên cho mình những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần vô cùng phong phú, độc đáo và một bản sắc rất riêng so với các vùng miền khác.  - Người dân Nam Bộ năng động, sáng tạo trong công việc và học tập; hào phóng, hiếu khách, trọng nhân nghĩa và có lòng yêu nước nồng nàn. Điều đó được thể hiện rõ nét trong cung cách sinh hoạt hàng ngày cũng như trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước  **HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG TRONG KHI ĐỌC (32 phút)**  Hoạt động 1: **Giới thiệu chung**  **1. Mục tiêu:**HS nắm được những nét chính về tác giả và văn bản.  **2. Phương thức thực hiện:**  - PP: Vấn đáp, thuyết trình, dạy học theo dự án; Kĩ thuật đặt câu hỏi…  *- Hoạt động cá nhân, hoạt động cả lớp, …*  **3. Sản phẩm hoạt động**:  *Phiếu học tập của cá nhân*  **4. Phương án kiểm tra, đánh giá**  *- Học sinh đánh giá lẫn nhau.*  *- Giáo viên đánh giá.*  **5. Tiến trình hoạt động**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  *? Giới thiệu vài nét về nhà thơ Hoàng Tố Nguyên và bài thơ Gò me mà các em đã chuẩn bị*  ***\*Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh lên trình bày…*  *- Giáo viên quan sát, lắng nghe…*  *- Dự kiến sản phẩm: Những nét chính về nhà thơ và bài thơ Gò me*  ***\*Báo cáo kết quả: HS lên trình bày***  ***\*Đánh giá kết quả***  *- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  GV đọc mẫu một lần, sau đó mời một vài HS lẩn lượt đọc VB. Nhăc HS chú ý đọc một cách diễn cảm, lưu loát, ngắt, nghỉ đúng, phù hợp với âm điệu, vần, nhịp của tưng dòng thơ. Giọng điệu nên có sự thay đổi linh hoạt, phù hợp với những sắc thái tình cảm cua tác giả. Chẳng hạn, đoạn đẩu bài thơ giới thiệu vể quê hương: *Quê tôi đó: mặt trông ra bể/ Đốm hải đăng tắt, loé đêm đêm/ Con đê cát đỏ cỏ viền/ Leng keng nhạc ngựa ngược lên chợ Gò...* nên đọc với giọng vui tươi, tự hào. Đoạn thơ hồi tưởng về những kỉ niệm tuổi thơ gắn bó với quê hương: *Ổi, thuở ấu thơ/ cắt cỏ, chăn bò/ Gối đẩu lên áo/ Nằm dưới hàng me, nghe tre thổi sáo...* nên chuyển sang đọc với giọng thiết tha, sầu lắng,...  Sau khi đọc xong bài thơ, con có cảm nhận gì về nội dung của bài thơ?  HS nêu cảm nhận cá nhân  Nội dung bài thơ thể hiện lòng nhớ thương quê hương da diết của một người con Nam Bộ đang sống trên đất Bắc. Qua dòng hổi tưởng của tác giả, hình ảnh Gò Me hiện lên sống động, khiến người đọc có cảm giác như tác giả đang thấy, đang nghe, đang trực tiếp sống với những hình ảnh thân thương, bình dị của quê hương.  **HĐ 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **ND 1**  ***1. Mục tiêu****:* HS sẽ cảm nhận được những điểm nổi bật của cảnh sắc Gò Me hiện lên qua nỗi nhớ của nhà thơ - mội người con phải sống xa quê.  **2. Phương thức thực hiện:**  - PP Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, TL nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi…  *- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, cả lớp…*  **3. Sản phẩm hoạt động**: Phiếu hoạt động của nhóm  Tìm chi tiết trong bài thơ viết về màu sắc, âm thanh, không gian của Gò Me   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Không gian | Âm thanh | Màu sắc | |  |  |  | | Cảm nhận: | | |   **4. Phương án kiểm tra, đánh giá:**  *- Học sinh đánh giá lẫn nhau.*  **5. Tiến trình hoạt động:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ nhóm***  a. Em đọc các dòng thơ đầu và thử nhắm mắt, hình dung những màu sắc, âm thanh và không gian Gò Me được nhắc tới  b. Em theo dõi nội dung đoạn thơ tiếp và liệt kê những chi tiết miêu tả thiên nhiên, vùng đất Gò Me. c. Qua nỗi nhớ của nhà thơ – một người con phải sống xa quê – cảnh sắc Gò Me hiện lên như thế nào? ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, nhóm theo bàn -> thảo luận…*  *- Giáo viêm: Quan sát trợ giúp HS*  *-* ***Dự kiến sản phẩm***  ***\*Báo cáo kết quả***  HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  (Trình trên bảng phụ)  ***\*Đánh giá kết quả***  HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  *GV bình: Vẻ đẹp thiên nhiên nơi Gò Me đã cho ta được phiêu lưu với vùng đất Nam Bộ, nơi đó đã từng được Đoàn Giỏi nói là vùng đất của sông ngòi, kênh rạch bủa vây chằng chịt. Vùng đất của sóng biển rì rào, vùng đất của màu xanh bạt ngàn, màu xanh của bờ, xanh của rặng đước, xanh của nước...Thiên nhiên vừa kì vĩ, vừa nên thơ, vừa hoang sơ lại vô cùng gần gũi, bình dị*  *Ôi! Tổ quốc chiều dài chữ S*  *Từ Hà Giang, Sa Đéc, Cà Mau*  *Non sông gấm vóc một màu*  *Tấm lòng người Việt dễ đâu kiếm tìm?*  **ND2**  **1. Mục tiêu**: hình ảnh người dân Gò Me  **2. Phương thức thực hiện**:  *- PP Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, TL nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi…*  *- Hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi, cả lớp…*  **3. Sản phẩm hoạt động**: Phiếu hoạt động của cặp đôi  Tìm các chi tiết miêu tả người dân Gò Me   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ngoại hình | Trong lao động | Tâm hồn | |  |  |  | | Cảm nhận | | |   **4. Phương án kiểm tra, đánh giá**:  *- Học sinh đánh giá lẫn nhau.*  **5. Tiến trình hoạt động**:  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ cặp đôi***  a. Đọc kĩ đoạn thơ viết về con người Gò Me, liệt kê những chi tiết miêu tả các cô gái ở vùng đất này  b. Những chi tiết đó cho em cảm nhận gì về con người nơi đây ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  *-* ***Dự kiến sản phẩm***  ***\*Báo cáo kết quả***  HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  (Trình trên bảng phụ)  ***\*Đánh giá kết quả***  HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  *Trong bài “Về sông nước miền Tây”, Ngọc Chi cũng từng cất lên tiếng thơ tha thiết*  “Ai về sông nước miền Tây Một lần sẽ thấy ngất ngây tuyệt vời Bên đồng lúa chín rạng ngời Thấy cô thôn nữ miệng cười như hoa  Xuôi dòng sông nước bao la Xuồng ghe tấp nập em ra chào mời Trái cây thơm ngọt anh ơi Mua về biếu tặng khắp nơi xa gần  Về miền sông nước một lần Đi rồi nhớ mãi tấm chân tình quê Có người con gái chân quê Nụ cười duyên dáng làm mê lòng người.”  **HOẠT ĐỘNG SAU ĐỌC (10 phút)**  **1. Mục tiêu**: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.  **2. Phương thức thực hiện:**  - PP Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, TL nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi, khăn phủ bàn…  *- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, cả lớp…*  **3. Sản phẩm hoạt động:** Phiếu hoạt động của nhóm theo tổ  **4. Phương án kiểm tra, đánh giá**:  *- Học sinh đánh giá lẫn nhau.*  **5. Tiến trình hoạt động:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ nhóm theo tổ***  a. Nói đến Gò Me, tác giả nhớ da diết điệu hò quê hương. Việc nhà thơ hai lần dẫn lại câu hò gợi cho em suy nghĩ gì?  b. Em đọc kĩ khổ thơ có chứa những câu hò, hiểu nội dung và trình bày suy nghĩ của mình  c. Bài thơ *Gò Me* có nhiều hình ảnh sinh động, giàu sức gợi. Cô thích những hình ảnh tác giả viết về kỉ niệm nằm dưới hàng me nghe sáo thổi...Con có thích hình ảnh đó không? Hãy trình bày ý kiến của riêng con?   ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, nhóm theo tổ -> thảo luận…*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  *-* ***Dự kiến sản phẩm***  ***\*Báo cáo kết quả***  HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  (Trình trên bảng phụ)  ***\*Đánh giá kết quả***  HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **GV bình**: Từ cảm xúc của thiên nhiên, con người, mạch thơ trong Gò Me đã chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ suy ngẫm và tình yêu của nhà thơ trước quê hương. Quê hương, đất nước thường gợi lên ở mỗi con người niềm khát khao, nỗi nhớ và hi vọng. Với Hoàng Tố Nguyên cũng thế, ông say sưa mơ màng về một thuở ấu thơ bình dị, trong mát nơi làng quê:  “*Ôi, thuở ấu thơ*  *Cắt cỏ, chăn bò*  *Gối đầu lên áo*  *Nằm dưới hàng me, nghe tre thổi sáo*  *Lòng nghe theo bướm, theo chim*  *Me non cong vắt lưỡi liềm*  *Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ”*  Lời thơ như ngân lên thành lời ca. Tuổi thơ của tác giả là những ngày tháng êm đềm, bình dị mà chan chứa yêu thương. Đó là tuổi thơ trong mát, thấm đẫm kỉ niệm của trẻ em nông thôn, cùng cắt cỏ, chăn bò, hòa vào thiên nhiên, lắng nghe những giai điệu dịu mát từ thiên nhiên vọng về. Đoạn thơ giản dị về ý tứ nhưng lại mênh mông những nỗi niềm yêu mến, tự hào về miền quê thân yêu  **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 PHÚT)**  1. **Mục tiêu**: Vận dụng hiểu biết về văn bản để làm bài  2. **Phương thức thực hiện**: HĐ cặp đôi  **3. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  4**. Phương án kiểm tra, đánh giá:**  - HS nhận xét đánh giá  - GV đánh giá.  5. **Cách tiến hành**:  **\*. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**  **TRAO ĐỔI CẶP ĐÔI (1phút)**  a. Nhà thơ lấy tên một vùng đất làm nhan đề bài thơ. Hãy kể tên một số tác phẩm mà em đã học, đã đọc cũng có cách đặt nhan đề tương tự.  \***HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  *- Học sinh: thực hiện cá nhân*  *- Giáo viên: theo dõi, hướng dẫn*  *- Dự kiến sản phẩm…*  ***\*Báo cáo kết quả: HS trình bày***  ***\*Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức*  - Việt Bắc (thơ) – Tố Hữu  - Đất Cà Mau (truyện ngắn) – Mai Văn Tạo  - Vàm Cỏ Đông (thơ) – Hoài Vũ  - Cô Tô (Kí) – Nguyễn Tuân  - Hang Én  **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (03 PHÚT)**  1. **Mục tiêu**: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  2. **Nhiệm vụ**: HS suy nghĩ , trình bày, viết lời sẻ chia  3. **Phương thức thực hiện**: HĐ cá nhân  4. **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  5. **Cách** **tiến hành**:  **1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:** Giới thiệu một cảnh đẹp của đất nước mình  **2*.* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  + Đọc yêu cầu.  + Suy nghĩ trả lời.  + 2 HS trả lời. HS dán len bản đồ Việt Nam những lời cảm nhận về vẻ đẹp đất nước.  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - GV khái quát ( có thể chiếu clip, tranh ảnh thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên hoặc con người VN, của tuổi trẻ VN hiện nay) -> nhắc nhở HS tình yêu, lòng tự hào dân tộc  **HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (02 PHÚT)**  \* **Mục tiêu**: HS mở rộng vốn kiến thức đã học.  \* **Nhiệm vụ**: Về nhà tìm hiểu, liên hệ.  \* **Phương thức hoạt động**: cá nhân.  \* **Yêu cầu sản phẩm**: Tìm thêm những bài thơ, bài hát ca ngợi vẻ đẹp của non sông, đất nước  \* **Cách tiến hành**:  **1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho Hs*:***  Viết đoạn văn ngắn (7 dòng) trình bày cảm nhận về vẻ đẹp đất nước trong bài Gò Me  **2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Đọc yêu cầu.  + Về nhà sưu tầm. | **I. Giới thiệụ:**  **1. Tác giả:**  - Tên thật: **Nhà thơ Hoàng Tố Nguyên tên thật  Lê Hoằng Mưu, sinh năm 1929**  **- Quê: sinh tại gò Me, làng Gò Công (nay là ấp Gò Me, tỉnh Tiền Giang).**  **2. Văn bản**  **a. Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ:**  - Bài thơ Gò Me được sáng tác năm 1956 - thời kì đất nước bị chia cắt  **b. Đọc – chú thích – Bố cục**  \* Đọc  \* Chú thích  \* Thể thơ: thơ tự do  \* Nội dung chính:  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Cảnh sắc Gò Me trong nỗi nhớ của nhà thơ**  - Gò Me hiện lên với ánh sáng, âm thanh và không gian thoáng đãng, đặc sắc:  + Ánh sáng hiện lên phong phú với nhiều màu sắc, cung bậc của những quãng thời gian khác nhau trong ngày: ánh sáng trầm tĩnh của đốm hải đăng tắt, lóe; ánh sáng chói rực của mặt trời; ánh sáng lung linh của vầng trăng khuya.  + Âm thanh vui tai của tiếng nhạc ngựa leng keng, lao xao của vườn mía, nhẹ nhàng của những mái lá.  + Không gian mênh mông, thoáng đãng của miền quê với đồng ruộng, ao làng, biển cả.  ⇒ Ánh sáng phong phú, không gian mênh mông và âm thanh rộn ràng như thiết tha mời gọi níu giữ con người ở lại với cuộc sống, với con người Gò Me  - Thiên nhiên Gò Me hiện lên với sự trong mát, bình yên, giản dị của miền quê thân thiện:  + Nằm dưới hàng me, nghe tre thổi sáo  + Bướm chim bay lượn rập rờn  + Chim cu gáy giữa trưa hanh nồng  + Gió dìu xao xuyến bờ tre  => Thiên nhiên Gò Me hiện lên như một bức tranh phong cảnh tươi đẹp với đầy đủ màu sắc trong mát của cây cối, âm thanh sinh động của tiếng chim và những hình ảnh động rập rờn của bươm bướm hay những chiếc lá đong đưa trong chiều hè  2**/ Hình ảnh người dân Gò Me**  - Các cô gái Gò Me được miêu tả với những chi tiết:  + Má núng đồng tiền duyên dáng  + Say sưa, cần cù trong công việc  + Véo von điệu hò cổ truyền Nam Bộ  + Tâm hồn mộng mơ theo bướm, theo chim.  => Những chi tiết miêu tả đã thể hiện sự hồn nhiên, khỏe khoắn, duyên dáng, yêu đời, hăng say trong công việc của những cô gái Gò Me  => Tác giả gắn bó với quê hương xứ sở,...    III/ Tổng kết:  1. Nghệ thuật  - Câu hò được dẫn 2 trong bài:  “*Hò… ơ… Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me*  *Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò*”  ->Chính điệu hò đã góp phần quan trọng làm nên vẻ đẹp, bản sắc của vùng đất này, nên người đi xa khi nhớ về quê hương thường nhớ về những câu hò thân thương.  - những hình ảnh:  + Thiên nhiên: con đê cát đỏ, ao làng trăng tắm, lúa chói rực, vườn mía lao xao.  + Con người: cắt cỏ, chăn bò, gối đầu lên áo.  2. Nội dung:  - Cuộc sống nơi mảnh đất Gò Me gần gũi, thân thương, đáng yêu với con người chất phác, cần cù và thiên nhiên thì hiền hòa, luôn dang rộng vòng tay để ôm ấp, yêu thương, tạo nên những kỉ niệm, giấc mơ cho con người  - Thể hiện tình yêu và nỗi nhớ da diết đối với quê hương, với những sinh hoạt văn hóa truyền thống quê hương. |

**BÀI 4 – VĂN BẢN 3:**

|  |
| --- |
| **BÀI THƠ ĐƯỜNG NÚI CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI**  **(Vũ Quần Phương)** |
| ***Thời gian thực hiện: 1 tiết*** |

**I. MỤC TIÊU.**

***a. Kiến thức:***

- Biết và cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước của nhà thơ thể hiện trong tác phẩm

- Tìm và phân tích được những ý kiến bình luận, đánh giá của Vũ Quần Phương về bài thơ “Đường núi”.

- Cảm nhận và hiểu được sự đồng cảm của nhà phê bình với những tình cảm, cảm xúc của nhà thơ.

- Thông qua việc phân tích kiểu văn bản Nghị luận văn học, học sinh vận dụng được cấu trúc của kiểu bài vào thực hành tạo lập văn bản.

***b. Năng lực***

- Nhận biết và phân tích được đặc cấu trúc bài bình và cái hay trong việc sử dụng lí lẽ, dẫn chứng của Vũ Quần Phương.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

- *Tự chủ và tự học*: khai thác thông tin về văn bản.

- *Giao tiếp và hợp tác*. khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- *Năng lực ngôn ngữ*: giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- *Năng lực thẩm mĩ:* cảm thụ văn học.

***c. Phẩm chất***

***- Yêu nước***: Bồi đắp cho HS những xúc cảm thẩm mĩ trước thiên nhiên, con người; tình yêu quê hương, đất nước. Từ đó củng cố ý thức cống hiến, xây dựng phát triển quê hương, đất nước giàu đẹp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh, video... về bài thơ Đường núi và tác giả Vũ Quần Phương.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập, sản phẩm học tập ( sản phẩm thể hiện bài thơ Đường núi: đọc diễn cảm, ngâm thơ...)

- Đa phương tiện.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu.**

*a/ Mục tiêu:* HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

*b/ Nội dung:* GV hỏi, HS trả lời.

*c/ Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

*d/ Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

- *Em đã đến tỉnh nào của vùng núi nước ta chưa? Em hãy chia sẻ một vài cảm nhận của mình về vùng đất đó sau khi đã trực tiếp đến hoặc được xem qua sách báo, truyền hình,...*

- GV cho HS xem video về vùng núi Tây Bắc, cho HS chia sẻ cảm nhận

- GV vào bài: *Qua video và ý kiến của các bạn, cô nhận thấy các bạn đã có những ấn tượng ban đầu về miền núi Tây Bắc của chúng ta, nơi có thiên nhiên tươi đẹp, phong cảnh hùng vĩ, con người chăm chỉ thân thiện. Đường núi, một bài thơ của nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã miêu tả con đường lên núi dựa trên cảm nhận rất khác biệt của nhà thơ. Nhà phê bình Vũ Quần Phương đã nhìn ra nét khác biệt rất tinh tế ấy và đã viết lời bình cho bài thơ với nhan đề: “Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi”*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới.**

a/ Mục tiêu:

- Xác định được thể loại, bố cục; nhận biết ý kiến của tác giả trong văn bản.

- Xác định và phân tích được cách triển khai luận điểm, luận cứ của tác giả.

- Đánh giá được cái hay, đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của Vũ Quần Phương.

b/ Nội dung:

- Tìm hiểu chung về tác giả Vũ Quần Phương và văn bản Bài thơ “Đường núi” của Nguyễn Đình Thi.

- Luận điểm, luận cứ của văn bản.

- Cái hay, đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của văn bản.

- Giá trị nội dungg và nghệ thuật.

c/ Sản phẩm:

- Thông tin về tác giả, tác phẩm: Phiếu học tập, poster, sơ đồ tư duy, clip...

- Câu trả lời của HS: Phiếu học tập, bài trình bày dưới dạng văn bản, slide...

d/ Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh đọc văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + Hướng dẫn cách đọc thầm, đọc to, đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ  *+* GV có thể đọc mẫu một đoạn đầu, sau đó chỉ định một số HS đọc tiếp những phần còn lại. Lưu ý: chỉ nên để mỗi HS đọc mội đoạn có độ dài vừa phải, không để HS nào phải đọc một đoạn quá dài.  *+ GV hướng dẫn HS chú ý về các câu hỏi suy luận, theo dõi*  *+ Giải nghĩa từ khó*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu tác giả - tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Thu thập thông tin, hình ảnh, sách, giới thiệu về:  + Tác giả Vũ Quần Phương  + Tác phẩm ***Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi.***  + Tham gia trình bày sản phẩm học tập đã chuẩn bị.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: \* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Thu thập, trao đổi thông tin, hình ảnh, sách, chuẩn bị thành sản phẩm hoàn chỉnh ( Bài thuyết trình/ Hệ thống câu hỏi liên quan).  - Phân công trình bày, giới thiệu/ Phân công MC dẫn chương trình tổ chức cho cả lớp tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm.  - Tham gia phần trình bày.  **Bước 3: \*Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ- Phương án 1: Giới thiệu tác giả, tác phẩm (có sử dụng hình ảnh, sách... để bài giới thiệu phong phú và thuyết phục).  - Phương án 2: Giáo viên giao việc cho MC dẫn chương trình, sử dụng hệ thông câu hỏi để các bạn nêu được các thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.  **Bước 4: \*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **-** Đánh giá về hoạt động của học sinh. | **I. Đọc và tìm hiểu chung (5’)**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi suy luận  - HS biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc: chậm rãi, rõ ràng, chú ý ngừng, nghỉ ở những chỗ tách đoạn, nhấn mạnh ý kiến của người viết (thường được nêu ở câu đầu đoạn).  2. Tác giả - tác phẩm  a. Tác giả  - Vũ Quần Phương (1940) tên thật là Vũ Ngọc Chúc    - Quê quán: sinh ra ở quê mẹ tại Từ Liêm, Hà Nội, quê cha ở Hải Hậu, Nam Định  - Là nhà thơ, nhà báo và nhà phê bình văn học  - Ngoài làm thơ và viết phê bình văn học, ông còn dịch thơ đăng trên các sách, báo và tạp chí văn học. Ông được nhận giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007.  - Các tác phẩm tiêu biểu: *Cỏ mùa xuân* (1966), *Hoa trong cây* (1977), *Vầng trăng trong xe bò* (tập thơ, 1988)...  b. Tác phẩm.  - Trích *Thơ hay có lời bình 100 bài*, Vân Long tuyển chọn  **\* Bố cục**  - Phần 1 (từ đầu đến "say đắm của người viết"): Khái quát giá trị của bài thơ Đường núi  - Phần 2 (tiếp theo đến "xao xuyến, bay múa, ca hát"): Giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ Đường núi  - Phần 3 (còn lại): Khẳng định cái tài của Nguyễn Đình Thi  **\* Thể loại**: Văn bản nghị luận  **\* Phương thức biểu đạt**: nghị luận |
| **Nhiệm vụ 1: tìm hiểu khái quát chung của tác giả về bài thơ *“ Đường núi”.***  **Bước 1: \*Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + GV chia HS làm các nhóm để thực hiện nhiệm vụ. Mỗi nhóm sẽ có 3 phút thảo luận và ghi lại câu trả lời của các thành viên trong nhóm (mỗi nhóm có ít nhất 5 câu trả lời), điền PHT số 1  + Em hãy nêu cảm nhận của em trước khi đọc bài bình thơ của Vũ Quần Phương  + Em hãy nêu cảm nhận của em sau khi đọc bài bình thơ của Vũ Quần Phương  + Bài bình thơ gây được ấn tượng nào đối với em? Câu nào, ý nào trong đó khiến em phải suy nghĩ sâu hơn về bài thơ đã học  **Bước 2:\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: \*Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: \*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  => “Đường núi” là một bài thơ ngắn, cô đọng nhưng lại mang cả một tình yêu mênh mông của Nguyễn Đình Thi vào trong đó. Đó là bức tranh về một buổi chiều trên đường núi, với vài nét chấm phá của gió, của suối, của ruộng nương, mái nhà sàn đủ thể hiện tình yêu giản dị của tác giả dành cho thiên nhiên, đất nước. Phải yêu quý và có sự tưởng tượng, quan sát tinh tế mới vẽ nên được cái hồn của bức tranh thiên nhiên từ trong những điều giản dị kia.  **Nhiệm vụ 2:** nêu được những ấn tượng, những cảm nhận của mình vế bài bình thơ của Vũ Quần Phương.  **Bước 1: \*Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  ***Bài bình thơ gây được ấn tượng như thế nào đối với em?***  ***Câu nào, ý nào trong đó khiến em phải ngẫm nghĩ sâu hơn về bài thơ đã đọc?***  **Bước 2:\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: \*Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: \*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản. (20’)**  **1. Khái quát chung của tác giả về bài thơ**  ***“ Đường núi”.***  *\** **Cảm nhận chung.**  *- Bài thơ là bức tranh chấm phá, tiết kiệm cả nét lẫn mầu lại nổi rõ lòng yêu đất đai, thôn bản say đắm của người viết.*  ***\* Trước khi đọc bài viết của Vũ Quần Phương .***  -Trước khi đọc bài bình của Vũ Quần Phương, có lẽ hầu hết chúng ta thường nghiêng về cảm nhận vẻ đẹp trong trẻo, thanh bình của bức tranh thiên nhiên; sức sống mãnh liệt, lòng yêu đời, yêu cuộc sống của con người nơi vùng núi và qua đó cảm nhận được tình yêu tha thiết của nhà thư Nguyễn Đình Thi đối với *đồng đất núi rừng làng mạc nước non mình.*  ***\* Sau khi đọc bài viết của Vũ Quần Phương .***  Sau khi đọc bài bình của Vũ Quần Phương, ta thấy được sự tài hoa, tinh tế của Nguyễn Đình Thi trong lựa chọn từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi tà, gợi cảm; sáng tạo nên âm điệu *lắng lại, chơi vơi, thanh nhẹ; tạo được một luống không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh;* sự nối liền trong bức tranh siêu thực nhiều mảng không gian, khung cảnh khác nhau;...  -**Nêu được những ấn tượng, những cảm nhận của mình vế bài bình thơ của Vũ Quần Phương:**  Đó có thể là sự đổng cảm với những cảm nhận sâu sắc của nhà phê bình về tình cảm, tư tưởng mà nhà thơ gửi gắm trong bài thơ; là sự thích thú trước những phát hiện tinh tế, bất ngờ của người viết về đặc sắc ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ;...  **-Những câu văn, những ý trong bài bình khiến cho mình phải suy nghĩ sâu sắc hơn về bài thơ đã đọc**  -Những câu văn mang tính chất khái quát chủ đề của bài thơ: “*Bài thơ như bức tranh chấm phá vài nét chiểu rừng tiết kiệm cả nét lẫn màu ấy lại thấy nổi rõ lên lòng yêu đất đai thôn bản say đắm của người viết”* hay tài năng của tác giả: “*Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh...”*  -Những câu đánh giá về cách thể hiện cảm xúc của nhà thơ: “Â*m điệu câu thơ là âm điệu của nội tâm, vần bị bỏ rơi. Chỗ nào tâm tình lắng lại thì âm điệu cấu thơ lắng lại, chơi vơi, thanh nhẹ. Câu thơ 5 chữ hay 6 chữ không phải do vần điệu thể loại quy định mà do tâm tình tác giả...”*  -Lời bình vê' đặc sắc của một câu thơ bất kì trong bài thơ: “*Độ dài câu thơ có tác dụng như một sự ngưng đọng, sự lắng nghe từ trong kí ức người những ánh lửa bếp chiều, những tia khói xanh trên mái lá. ìỉai câu thơ kết dà: tơi 7 âm tiết như một sự ngân nga của tâm trí.”* |
| **Nhiệm vụ 3:tìm hiểu Sự đồng cảm của tác giả.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Gv phát PHT số 2, học sinh thảo luận theo nhóm 4-6 em để tìm hiểu về :*  ***+ Em hãy tìm lí lẽ, dẫn chứng của Vũ Quần Phương để chứng minh “Đường núi” của Nguyễn Đình Thi là một bài thơ hay***  ***+ Người bình đã thể hiện sự đồng cảm của mình với bài thơ như thế nào? Theo em sự đồng cảm này có ý nghĩa như thế nào?*** *trong 5’.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  -> Sự đồng cảm này có ý nghĩa rất quan trọng. Nó giúp cho nhà phê bình có thể cảm nhận được một cách sâu sắc, tinh tế những tư tưởng, cảm xúc của nhà thơ gửi gắm trong bài thơ, từ đó có thể lan toả tình cảm này đến với người đọc. Khi đọc bai viết của Vũ Quần Phương, ta không chỉ cảm nhận được sự tài hoa, tinh tế trong cách cảm nhận thơ của ông mà còn cảm nhận được tình yêu tha thiết của ông đối với thiên nhiên, với quê hương, đất nước. Có như thế, ông mới có thể có được những rung động mãnh liệt và những  **Nhiệm vụ 4: Lời khẳng định tài năng của Nguyễn Đình Thi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  ***Theo em, vì sao tác giả khẳng định: “Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh. Phong cảnh bỗng mang vị tâm hồn của tác gia’?***  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***2. Sự đồng cảm của tác giả.***  - HS có cái nhìn bao quát toàn bộ VB  -Vũ Quần Phương đã nhận xét: “Trong bài thơ, không có chữ nào nói về sự say đắm của lòng người nhưng ta nghe được nó trong nhịp điệu câu thơ”  + Ngây ngất với sương mây, rì rào với tiếng suối  + Tiếng reo vui lặng thầm trong cả hình ảnh lẫn âm điệu câu thơ  + Âm điệu câu thơ là âm điệu của nội tâm. Câu thơ 5 hay 6 chữ không phải do thể loại quy định mà do tâm tình của tác giả  -Các câu văn thể hiện trực tiếp tình cảm của người viết với bài thơ như:  + Người bình thơ cảm nhận, thấu hiểu được những rung động, tình cảm tinh tế, kín đáo của nhà thơ dành cho thiên nhiên, con người nơi đầy;  +Cảnh vật trong bài thơ được điểm xuyết, lướt qua khá nhanh và vội, cái tạo nên tính liền mạch ở đầy chính là cảm xúc của người viết,...  + Cũng chính nhờ sự đồng cảm sâu sác với bài thơ nên nhà phê bình mới có sự phát hiện rất tinh tế là âm điệu câu thơ chính là âm điệu của nội tâm chứ không phải âm điệu được tạo nên bởi cách hiệp vần, vần đã bị bỏ rơi.  trang viết tài hoa về bài thơ “Đường núi” của Nguyễn Đình Thi.  **3. Lời khẳng định tài năng của Nguyễn Đình Thi**  *-“Luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh” ở* trong bài thơ “*Đường núi”* được thể hiện: buổi chiểu vùng núi, có lối mòn, nắng nhạt, nhà sàn, khói bếp, gió nổi, trăng lên, áo chàm, tiếng hát, cánh đồng,... Nhưng đúng như Vũ Quần Phương khẳng định, cái làm chúng ta xúc động chính là cảm xúc, tình cảm của nhà thơ ẩn chứa sau khung cảnh đó. Phong cảnh bài thơ mang đậm vị tâm hổn của tác giả, đó là tâm hổn yêu say đắm “*đồng đất núi rừng làng mạcn ước non mình”,* là cái nhìn “*ngất ngây”* với sương mây, “*rì rảo”* với tiếng suối,... Đằng sau mỗi cảnh sắc thiên nhiên ta đều cảm nhận được tiếng reo vui lặng thầm của nhà thơ: “*Ổi những vạt ruộng vàng/ Chiều nay rung rinh lúa ngả/ Dải áo chàm bay múa/ Tiếng ai hát trên nương...”*  *->* - Dựa vào từng hình ảnh và từ ngữ trong bài thơ, ta sẽ thấy được phong cảnh bài thơ “mang phong vị tâm hồn tác giả”  - Nếu muốn cảm nhận được rõ nét một tác phẩm văn chương, ta phải hóa thân vào trong tác phẩm để cảm nhận rõ nét và đầy đủ nhất những cảm xúc văn chương dạt dào của người nghệ sĩ |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  *+ Hãy tóm tắt nội dung của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 3-4 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Đánh giá hoạt động của HS/ đánh giá về hình thức, nội dung của SĐTD. | **III. Tổng kết. (5’)**  **1. Nghệ thuật.**  - Sử dụng phương pháp biểu đạt nghị luận văn học. Cách triển khai ý kiến, lí lẽ mạch lạc, rõ ràng  - Ngôn từ bình dị, gần gũi  - Lối viết hấp dẫn, thuyết phục  - Cách lựa chọn từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi tả, gợi cảm.  -Dẫn chứng thuyết phục  **2. Nội dung.**  - Bài bình thơ của Vũ Quần Phương giúp người đọc tiếp nhận “Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi” ở nhiều khía cạnh hơn, cảm nhận của tác giả thực sự sâu sắc và đủ đầy về những khía cạnh dù nhỏ nhất của bài thơ. |

**3. Hoạt động 3:** **Luyện tập (7’).**

*a/ Mục tiêu:*

*-* Củng cố kiến thức đã học trong văn bản.

- HS hiểu được một số ý kiến, quan điểm của tác giả trong bài viết.

*b/ Nội dung:*

- Phần bổ sung lời bình cho bài thơ.

*c/ Sản phẩm:*

- Bài trình bày dưới dạng văn bản (*nói hoặc viết*)

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - BT1: GV giao cho cá nhân HS thực hiện. ***Nếu được bổ sung cho bài viết, em sẽ viết tiếp những gì?***  ***-*** BT2. ***Sau khi học xong văn bản, em đã rút ra được điều gì cho mình trong việc tạo lập văn bản nghị luận văn học.***  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân  - Ghi lại ý kiến (làm ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Chia sẻ ý kiến của cá nhân (*dự kiến giờ học sau*).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét câu trả lời của HS, đánh giá bằng điểm số. | **IV. Luyện tập** (7’)  **BT1:**  -Làm rõ hơn nét lạ của bài thơ mà nhà phê bình Vũ Quần Phương đã chỉ ra: “*Âm điệu câu thơ là âm điệu của nội tâm, vần bị bỏ rơi”.*  -Phân tích chi tiết, cụ thể hơn về thời gian nghệ thuật trong bài thơ: việc nhà thơ lựa chọn thời khắc buổi chiều có ý nghĩa như thế nào đối với việc khơi gợi cảm xúc của nhân vật trữ tình.  -Bổ sung phần phân tích hiệu quả thẩm mĩ của việc sử dụng biện pháp tu từ như nhân hoá trong việc giúp cho cảnh vật thiên nhiên nơi vùng núi trở nên gần gũi, giàu sức sống hơn: “*Dải áo chàm bay múa, Bờ tre đang reo ánh lửa”,...*  -Cảm nhận về tác dụng gợi hình, gợi cảm của các từ láy được nhà thơ sử dụng liên tiếp trong bài thơ: “*nhạt nhạt, ngây ngất, rì rào, rung rinh, văng vẳng, chập chùng”.*  ***-*** Có thể cảm nhận kĩ hơn ở bốn câu thơ cuối.  **BT2:**  - Gợi ý:  + C*ảm nhận được đầy đủ nội dung, chủ đề tư tưởng của tác phẩm; cái hay, cái đặc sắc trong việc sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, phép tu từ…*  *+ Xây dựng, sắp xếp hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng, hợp lí.*  *+ Lựa chọn ngôn từ có sức gợi.*  *+ Kết hợp được các PTBĐ khác nhau để tạo sự hấp dẫn cho bài viết.* |

**4. Hoạt động 4:** **Vận dụng. (8’)**

**a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học ở phần hình thành kiến thức để củng cố ôn tập bài học, phát triển kỹ năng

**b. Nội dung:** GV giao việc trước ở nhà, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và thuyết trình

**c. Sản phẩm:** Tranh vẽ và bài thuyết trình của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:** Triển lãm tranh

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV kiểm tra phần chuẩn bị tranh của HS (đã giao việc từ tiết học trước)  - GV tổ chức cho các học sinh thuyết trình tranh vẽ của mình dựa trên bài thơ đường núi  **Bước 2: HS trao đổi, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS vẽ tranh và tập thuyết trình tại nhà  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  - GV tổ chức cho HS mở triển lãm tranh, thuyết trình  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV cho các HS khác nhận xét về phần làm việc nhóm và kết quả của nhóm bạn  - GV nhận xét | - Tranh vẽ của học sinh  - Bài thuyết trình: Dựa trên bài thơ “Đường núi”, thuyết minh về bài vẽ của nhóm mình  - Yêu cầu  + Thuyết trình trôi chảy  + Bám sát vào bài thơ và bức tranh, không quá lan man  + Tranh vẽ đẹp, bố cục tốt, có thẩm mỹ |

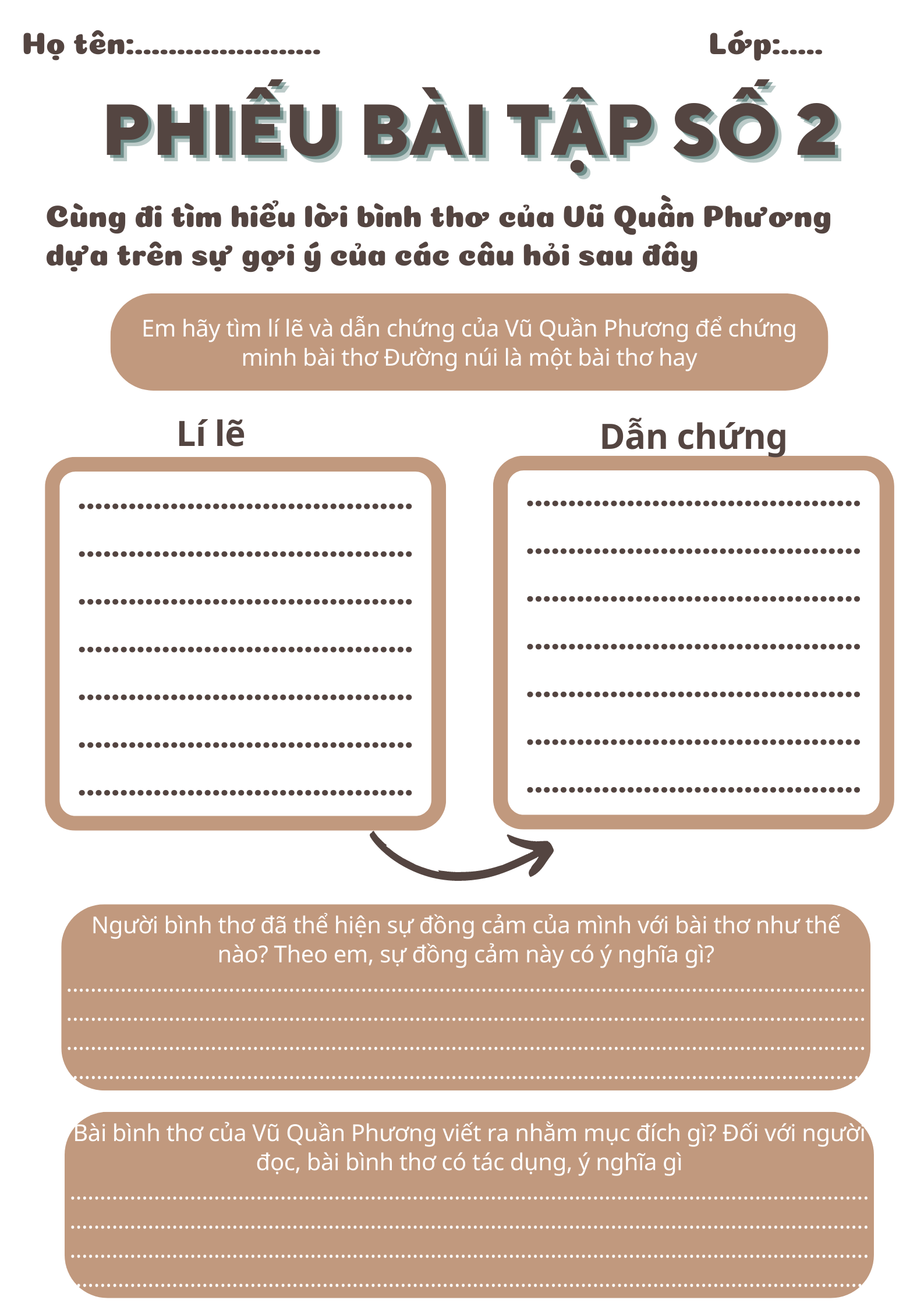
HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

• Ôn tập lại văn bản “Bài thơ “Đường núi” của Nguyễn Đình Thi”.

• Soạn bài: Viết – Viết bài văn biểu cảm về con người và sự vật.

**PHỤ LỤC**

****



**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 1**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.

- Nhận biết và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV đưa ra yêu cầu: *Em hãy chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong câu thơ: “****Áo nâu*** *liền với áo xanh/Nông thôn cùng với thị thành đứng lên” với nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong câu: “Tôi mua biếu bà chiếc* ***áo nâu.****”. Em dựa vào đâu để nhận biết nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong từng ví dụ đó?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong những ngữ cảnh khác nhau, từ ngữ sẽ mang những nét nghĩa khác nhau. Để hiểu rõ hơn về ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học.*

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Hiểu được khái niệm ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  ? Đọc ngữ liệu SGK/92 và chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ “*thơm*” trong “*thị thơm*” và “*người thơm*”. Em dựa vào đâu để nhận biết nghĩa của từ “*thơm*” trong từng ví dụ đó?  ? Vậy thế nào là ngữ cảnh?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần ngữ liệu (SGK/92), suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi.  - Đọc khái niệm ngữ cảnh (SGK/89).  **GV:**  **-** Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.  - Hướng dẫn HS cách trả lời (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình. | **I. NGỮ CẢNH VÀ NGHĨA CỦA TỪ NGỮ TRONG NGỮ CẢNH**  **1. Ngữ liệu (SGK/92)**  ***Thị thơm*** *thì giấu* ***người thơm***  *Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà*  (Lâm thị Mỹ Dạ, *Chuyện cổ nước mình*)  **2. Nhận xét**  - Thơm (thị thơm): có mùi hương dễ chịu.  - Thơm (người thơm): phẩm chất tốt đẹp, thơm thảo, được mọi người yêu mến, ca ngợi.  🡪 Trong những ngữ cảnh khác nhau, từ ngữ sẽ mang những nét nghĩa khác nhau.  \* ***Ngữ cảnh*** *là bối cảnh ngôn ngữ trong đó có một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là bối cảnh trong văn bản, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh); hoặc là bối cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian, ... mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng.* |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức. | **II. LUYỆN TẬP**  **1. Nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh**  **Bài tập 1 (SGK/92)**  **a.**  - ***Lộc*** (trong từ điển): chồi lá non.  - ***Lộc*** (trong ***Lộc*** *giắt đầy quanh lưng* và ***Lộc*** *trải dài nương mạ*):  + Nghĩa thực: chồi non, lá non.  + Nghĩa ẩn dụ: may mắn, hạnh phúc.  🡪 Tác dụng: Với các sử dụng từ ***lộc***, nhà thơ Thanh Hải đã diễn tả được: Người cầm súng như mang theo sức xuân trên đường hành quân, người ra đồng như gieo mùa xuân trên từng nương mạ. Chính *người cầm súng* và *người ra đồng* đã làm nên mùa xuân hạnh phúc cho đất nước.  **b.**  **- *Đi*** (trong từ điển): di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác.  - ***Đi*** (trong *Đất nước như vì sao/Cứ* ***đi*** *lê phía trước*): tiến lên, phát triển.  🡪 Tác dụng: Với việc sử dụng từ ***đi***, nhà thơ đã thể hiện được niềm tin vào nước tiến vững vàng của đất nước trong tương lai.  **c.**  - ***Làm*** (trong từ điển): dùng công sức vào những việc khác nhau, nhằm mục đích nhất định nào đó.  - ***Làm*** (trong *ta* ***làm*** *con chim hót/Ta* ***làm*** *một cành hoa*): hóa thành, biến thành.  🡪 Tác dụng: Với các sử dụng từ ***làm***, nhà thơ Thanh Hải đã thể hiện ước nguyện hóa thân thành con chim hót, thành một cành hoa... để dâng hiến cho cuộc đời, làm đẹp cho đời.  **Bài tập 2 (SGK/93)**  **- *Giọt***(trong từ điển): chỉ lượng rất nhỏ chất lỏng, có dạng hạt.  - ***Giọt***(trong ***giọt*** *long lanh*): giọt âm thanh – tiếng chim hót.  🡪 Vì có từ *long lanh* – chỉ tính chất sáng, đẹp của giọt mà không có từ chỉ sự vật cụ thể như *mưa*, *sương*, *nước* hay *tiếng chim* nên có thể gợi liên tưởng đến *giọt mùa xuân* – sức sống của mùa xuân đang dâng trào, dào dạt.  **2. Biện pháp tu từ**  **Bài tập 3 (SGK/93)**  - Biện pháp tu từ ***ẩn dụ***: *mùa xuân nho nhỏ*, *một cành hoa*, *một nốt trầm*, ...  🡪 Tác dụng: Thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ: được cống hiến những gì tốt đẹp, dù nhỏ bé, đơn sơ cho cuộc đời.  - Biện pháp tu từ **so sánh**: *Đât nước* ***như*** *vì sao/ Cứ đi lên phía trước.*  🡪 Tác dụng: *Vì sao* gợi lên nguồn sáng lấp lánh, vẻ đẹp vĩnh hằng của vũ trụ. Việc so sánh *đất nước* với *vì sao* gợi lên hình ảnh rạng ngời của lá cờ Tổ quốc và niềm tự hào của tác giả về đất nước, về tương lai tươi sáng của dân tộc.  - Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Dù là*** *tuổi hai mươi/****Dù là*** *khi tóc bạc.*  🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh sự quyết tâm, khát khao được cống hiến của tác giả.  - Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Nước non ngàn dặm*** *mình/****Nước non ngàn dặm*** *tình.*  🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh, làm nổi bật niềm tin yêu, tự hào của tác giả với đất nước, với quê hương. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp tu từ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và các đoạn văn nói và viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận về biện pháp tu từ có vị trí nổi bật nhất trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 2**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, dấu câu, biện pháp tu từ đã học và vận dụng được trong giao tiếp.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, dấu câu, biện pháp tu từ đã học và vận dụng được trong giao tiếp.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV đưa ra yêu cầu:

*? Em hãy cho biết công dụng của dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép. Với mỗi loại dấu câu, em hãy lấy một ví dụ?*

*? Em hãy nhắc lại dấu hiệu nhận biết và tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, ... Lấy ví dụ để làm rõ đặc điểm, tác dụng của từng loại?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.

- Từ chia sẻ của HS, GV củng cố kiến thức về công dụng của các loại dấu câu và các biện pháp tu từ.*.*

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.  🡪 *Ngôn ngữ trong văn bản văn học, đặc biệt là trong văn bản thơ mang tính hình tượng; nhà thơ thường sử dụng các biện pháp tu từ như nhân hóa, ẩn dụ, so sánh,... để làm tăng thêm gia trị gợi hình, gợi cảm cho câu thơ. Chính vì thế, để hiểu nghĩa của từ trong văn bản thơ, ta không thể chỉ xem xét nghĩa trong từ điển mà phải dựa vào ngữ cảnh văn bản, từ đó khám phá được cá hay, cái đẹp của ngôn ngữ trơ và tài năng của tác giả.* | **I. NGHĨA CỦA TỪ NGỮ**  **Bài tập 1 (SGK/95)**  **- *Thở*** (*Mái lá khoan thai* ***thở*** *làn khói nhẹ*): phả ra, tỏa ra.  **- *Thở*** (*Em bé* ***thở*** *đều đều khi ngủ say*): hoạt động của con người – hít không khí vào lồng ngực, vào cơ thể rồi đưa trở ra qua mũi, miệng. |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức. | **I. NGHĨA CỦA TỪ NGỮ**  **Bài tập 2 (SGK/95)**  **-** Các từ láy trong bài thơ: *leng keng, lao xao*, *xao xuyến*, *thẹn thò*, ...  **- *Xao xuyến*** (*Gió dìu vương xao xuyến bờ tre*):trạng thái xúc động kéo dài, khó dứt  🡪 Tác dụng: Giúp cho câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm. Nhà thơ đã gợi nên được trạng thái bâng khuâng của sự vật, giúp cho sự vật thêm gần gũi với con người, cũng có những nỗi niềm cảm xúc như con người, ...  **II. DẤU CÂU**  **Bài tập 3 (SGK/95)**  *Véo von điệu hát cổ truyền*  *(Tre thôi khúc khích, mây chìm lắng nghe)*  - Dấu ngoặc đơn: có công dụng đánh dấu phần bổ sung thêm thông tin cho phần trước đó.  *“- Hò... ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me*  *Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò...”.*  - Dấu ngoặc kép: có tác dụng đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.  **III. BIỆN PHÁP TU TỪ**  **Bài tập 4 (SGK/96)**  - Biện pháp tu từ **nhân hóa**:*tắm*, *bơi*, *thổi sáo*, *khúc khích*, *lắng nghe*, ... (những từ ngữ vốn được dùng để chỉ hoạt động của con người nhưng ở đây lại được sử dụng để miêu tả hoạt động của sự vật).  🡪 Tác dụng: Tác giả đã làm cho trăng, tre, mây hiện lên sống động như con người, cũng có những hành động, tâm trạng như con người. Qua đây, ta cảm nhận được tình yêu quê hương, sự gắn bó của tác giả với những cảnh sắc thiên nhiên của quê hương. Thiên nhiên đã trở thành người bạn thân thiết của nhà thơ.  - Biện pháp tu từ **so sánh**:*Nước trong* ***như*** *nước mắt người tôi yêu*  🡪 Tác dụng: Tác giả đã làm cho hình ảnh mặt nước ao làng – vốn chỉ là không gian thiên nhiên – trở thành một thế giới của tâm hồn, thế giới của kỉ niệm và đặc biệt gần gũi. Điểm chung của hai hình ảnh *nước trong* và *nước mắt người tôi yêu* là vẻ đẹp trong sáng. Dù vui hay buồn, dù là nước mắt hạnh phúc hay đau khổ thì vẫn là vẻ đẹp “trong” – trong vắt, trong trẻo, trong sáng.  - Biện pháp tu từ **so sánh**: *Mẹ non cong vắt lưỡi liềm/Lá xanh* ***như*** *dải lụa mềm lửng lơ*  🡪 Tác dụng: Cảm nhận được vẻ đẹp nên thơ, mềm mại của cảnh sắc thiên nhiên cũng như tình yêu của nhà thơ gửi gắm trong đó. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp tu từ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và các đoạn văn nói và viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận về biện pháp tu từ mà em thích nhất được sử dụng trong đoạn thơ từ *Ôi, thuở ấu thơ* đến *Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ.*

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

**VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM**

**VỀ CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC**

**Thời gian thực hiện: 03 tiết**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**Sau bài học này, học sinh sẽ hiểu:**

**1. Kiến thức**

Kiến thức về kiểu bài biểu cảm về người hoặc sự việc.

**2. Năng lực**

|  |  |
| --- | --- |
| *Năng lực chung:* | *Năng lực đặc thù* |
| - NL tự chủ và tự học:   * 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.   - NL giao tiếp, hợp tác:   * 100% HS biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 80% HS biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ. | * 80% HS viết được bài văn biểu cảm về người hoặc sự việc. * 20% HS viết được bài văn biểu cảm về người hoặc sự việc sinh động, hấp dẫn. |

**3. Phẩm chất**

HS biết sống nhân ái, yêu thương thông qua những thông điệp từ các bài viết.

**B. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

|  |  |
| --- | --- |
| *Phương pháp:* | *Kĩ thuật* |
| Dạy học theo nhóm, đàm thoại – phát vấn | Động não, khăn phủ bàn, think-pair-share |

**C. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo

- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập

- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ổn định tổ chức  2. Tổ chức hoạt động | |
| **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 5 phút  - Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú, định hướng cho học sinh.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, phát vấn  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu: *Em đã từng gặp gỡ, gắn bó với nhiều người. Trong số ấy, chắc hẳn sẽ có người em vô cùng yêu thương. Hãy dùng ít nhất 03 câu chia sẻ ngắn gọn về người đó.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (trả lời miệng)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận: Tuổi thơ của mỗi người thật đẹp. Ở đó chất chứa biết bao vui, buồn với những người yêu thương. Để lưu giữ những tình cảm ấy, hôm nay, cô và các em sẽ cùng nhau đi viết lại những câu văn thật hay về nó nhé. | HS có tâm thế sẵn sàng vào bài học. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU VĂN BẢN**  - Thời gian: 15 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 100% HS hiểu thế nào là biểu cảm về con người hoặc sự việc. * 100% HS xác định được yêu cầu đối với kiểu bài biểu cảm về con người hoặc sự việc.   + Năng lực chung:   * 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: THINK-PAIR-SHARE  - Sản phẩm dự kiến: câu trả lời của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo kĩ thuật THINK-PAIR-SHARE:  + THINK: cá nhân HS suy nghĩ, trả lời  + PAIR: HS trao đổi cặp đôi với bạn bên cạnh  + SHARE: HS chia sẻ toàn lớp  *(?) Theo em, một bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 2 HS báo cáo kết quả (câu trả lời)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận: | * **I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU VĂN BẢN** * **1. Yêu cầu của kiểu văn bản**   - Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.  - Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em.  - Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.  - Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.  - Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc   * **2. Bảng kiểm tham khảo** * (phụ lục bảng kiểm bên dưới) |
| **NỘI DUNG 2: PHÂN TÍCH MẪU**  - Thời gian: 15 phút  - Mục tiêu:   * Năng lực đặc thù * 100% HS xác định được bố cục của bài viết biểu cảm về con người hoặc sự việc. * 100% HS hiểu được nhiệm vụ của mở bài, thân bài, kết bài trong một bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc . * 80% HS học được cách kết nối giữa các sự việc, các phần của bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.   + Năng lực chung: 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.  + Phẩm chất: 100% HS biết sống nhân ái, biết cảm phục nhân vật thông qua bài viết ở văn bản mẫu.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: think-pair-share  - Sản phẩm dự kiến: phiếu học tập số 2 | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu:  - HS thực hiện theo cặp đôi, trả lời các câu hỏi ở PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1  - Thời gian thảo luận: 10 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân và theo cặp  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (phiếu học tập số 1)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **II. PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**  - Nhiệm vụ mở bài: Giới thiệu được đối tượng biểu cảm; bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu về đối tượng.  - Nhiệm vụ thân bài: Nêu những đặc điểm nổi bật khiến đối tượng để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em. Chú ý sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.  - Nhiệm vụ kết bài: Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của người viết đối với đối tượng được nói tới. |
| **NỘI DUNG 3: TÌM HIỂU QUY TRÌNH VIẾT**  - Thời gian: 10 phút  - Mục tiêu:   * Năng lực đặc thù * 100% HS xác định được quy trình viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc * 80% HS nhớ được dàn ý của một bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc   + Năng lực chung: 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại – phát vấn  - Sản phẩm dự kiến: sơ đồ quy trình viết | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu:  Dựa vào phần phân tích mẫu cũng như kinh nghiệm của bản thân, hãy nêu quy trình viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc**.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận bằng sơ đồ | **III. HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH VIẾT**   * **1. Trước khi viết**   Xác định:   * Đề tài * Tìm ý * Lập dàn ý * MB: Giới thiệu người hoặc sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm, suy nghĩ. Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người hoặc sự việc đó. * TB: Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc; Nêu ấn tượng về người hoặc sự việc đó. * KB: Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người hoặc sự việc được nói tới. * **2. Viết** * – Bám sát dàn ý * – Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người hoặc sự việc để lại ấn tượng, cảm xúc sâu đậm cho mình. * – Ngôn ngữ bài viết cần sinh động, giàu cảm xúc; vận dụng các biện pháp tu từ như so sánh, điệp ngữ để tăng sự hấp dẫn cho bài viết. * **3. Chỉnh sửa bài viết** * Đánh giá bài viết và chỉnh sửa theo bảng kiểm |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 30 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 60% HS lập được dàn ý cho bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. * 40% HS viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc một cách hấp dẫn, sinh động.   + Năng lực chung: 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.  + Phẩm chất: HS biết sống nhân ái thông qua các bài viết được chọn đọc.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Giải quyết vấn đề  - Sản phẩm dự kiến: Dàn ý cho bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu:  - Mỗi HS sẽ xây dựng dàn bài biểu cảm về con người hoặc sự việc.  - Thời gian lập dàn ý: 15 phút  - Thời gian trình bày: 2 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **IV. LUYỆN TẬP**  Lập dàn ý cho bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  - Thời gian: 15 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 50% HS viết hoàn thiện đoạn văn cho 1 ý trong dàn ý đã lập * 50% HS viết được ½ đoạn văn cho 1 ý trong dàn ý đã lập   + Năng lực chung: 70% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.  + Phẩm chất: HS biết sống nhân ái thông qua các câu chuyện được chọn kể lại  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: giải quyết vấn đề  - Sản phẩm dự kiến: bài viết của HS (đoạn văn) | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu:  Viết hoàn chỉnh 1 đoạn văn triển khai 1 ý đã xây dựng trong dàn ý biểu cảm về con người hoặc sự việc.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời 1-2 HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **V. VẬN DỤNG**  Viết đoạn văn triển khai 1 ý đã xây dựng trong dàn ý biểu cảm về con người hoặc sự việc. |

**E. RÚT KINH NGHIỆM**

**1. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm**

**2. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy**

**F. PHỤ LỤC**

- Tư liệu sử dụng

- Mẫu phiếu học tập

**BẢNG KIỂM**

**KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM**  **VỀ CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC** | | Đạt | CĐ |
| Mở bài | Giới thiệu được đối tượng mà người viết muốn biểu lộ cảm xúc. |  |  |
| Giới thiệu được cảm xúc chúng của người viết về đối tượng. |  |  |
| Thân bài | Biểu lộ được ít nhất 2 tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thành của người viết. |  |  |
| Kết hợp yếu tố miêu tả để lí giải cho tình cảm, cảm xúc của người viết. |  |  |
| Kết hợp yếu tố tự sự để lí giải cho tình cảm, cảm xúc của người viết. |  |  |
| Kết bài | Khẳng định được tình cảm, cảm xúc của ngưởi viết. |  |  |
| Rút ra được điều đáng nhớ đối với bản thân. |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: PHÂN TÍCH MẪU**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**  Yêu cầu: Đọc bài tham khảo “Người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện” (SGK tr.99, 100)  và trả lời các câu hỏi bên dưới. | |
| Bài viết được viết để bộc lộ cảm xúc về điều gì? |  |
| Bố cục bài viết gồm mấy phần? Là những phần nào? |  |
| Nội dung của phần mở bài là gì?  Gạch chân câu văn giới thiệu đối tượng, câu văn bộc lộ cảm xúc về đối tượng trong phần mở bài. |  |
| Phần thân bài thể hiện nội dung gì?  Ở phần này, người viết đã bộc lộ cảm xúc như thế nào? Để làm rõ những cảm xúc ấy, người viết đã sử dụng những yếu tố nào hỗ trợ? |  |
| Phần kết bài thể hiện nội dung gì?  Nội dung đó được người viết trình bày ra sao? |  |
| Từ bài viết trên, em rút ra những lưu ý gì về cách viết bài văn biểu cảm về con người. |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  **LẬP DÀN Ý CHO BÀI VIẾT BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC** | | |
|  | Mở bài  Thân bài  Kết bài |  |

**NÓI VÀ NGHE**

**(Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Với tư cách người nói: Biết cách trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng sao cho lan tỏa được tới người nghe, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Với tư cách người nghe: Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tôn trọng người nói; ghi nhận những suy nghĩ của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

***2. Về năng lực:***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác .

- Biết trình bày ý kiến, cảm nhận của bản thân về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

***3. Về phẩm chất:***

- Hăng hái tham gia các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng

  - Tương thân, tương ái, sống giàu tình yêu thương.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Giấy A4.

- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.

- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm.

- Bài giới thiệu các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng dưới các hình thức

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú học tập cho học sinh.

- Kích thích học sinh tìm hiểu thông điệp gợi ra từ video về các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

**b. Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video về thông điệp cuộc sống và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung là trình bày ý kiến về một vấn đề được gợi ra từ video.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video về “ các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng” và giao nhiệm vụ cho HS.

? Nội dung của đoạn video? Thông điệp mà đoạn video muốn truyền đạt đến chúng ta?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân.

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng** | |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói   b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  *? Chuẩn bị nội dung một bài nói em cần chuẩn bị những gì? Các bước chuẩn bị?*  *? Dàn ý một bài nói gồm những phần nào?*  *? Những hoạt động thiện nguyện tiêu biểu?*  *? Đối tượng được giúp đỡ của các hoạt động thiện nguyện là ai?*  *? Bản chất, vai trò của những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng?*  *?**Những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống?*  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK/102).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.    **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS tập nói trước nhóm/tổ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY BÀI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng trình bày bài nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.   b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị trước.  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của đã chuẩn bị trước  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SAU KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c) Sản phẩm:** Bài nói vànhận xét về HĐ nói của từng HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG - MỞ RỘNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Giới thiệu một số những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng đang diễn ra?

Bài tập 2: Trình bày ý kiến về một *hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng* mà em cho rằng có ý nghĩa nhất hiện nay(trình bày trực tiếp hoặc qua đoạn phim ngắn).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV .

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.